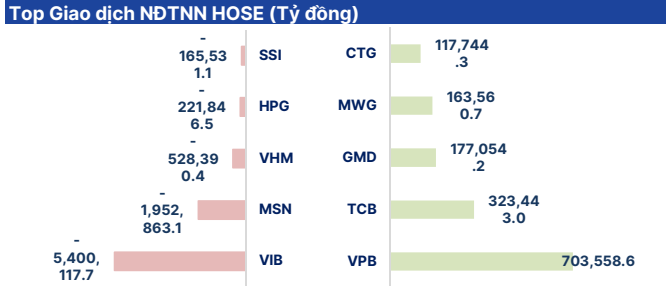


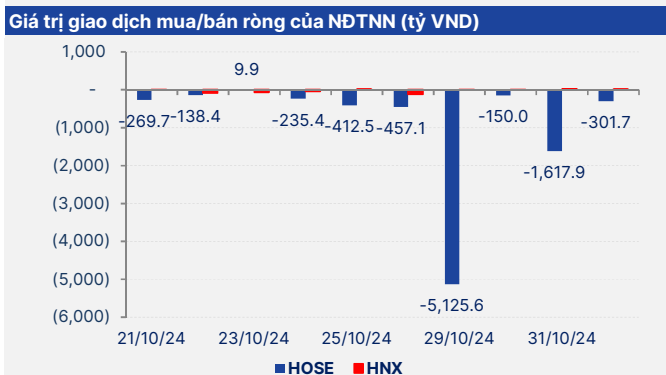
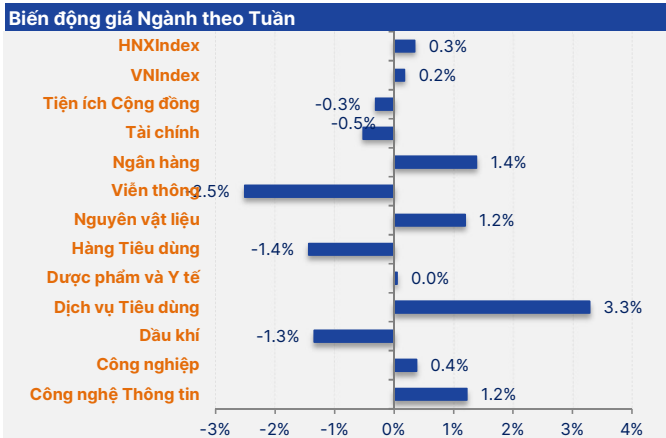
WEEKLY WRAP

Tuần GD: 28/10/2024 - 1/11/2024

Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
Thống kê thị trường				
Index	1,254.89	↑ 0.2%	225.41	↑ 0.3%
KLGD (trCP)	2,875.44	↓ -3.8%	228.41	↑ 4.7%
GTGD (tỷ VND)	75,121.50	↓ -2.5%	3,623.69	↓ -13.7%
Tổng cung (trCP)	7,419.00	↓ -21.3%	369.24	↓ -5.3%
Tổng cầu (trCP)	8,452.36	↓ -33.5%	321.56	↓ -3.2%



GT Bán: (19,256.40) : GT Mua 11,604.12



DIỄN BIẾN CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG TUẦN

VN-INDEX kết thúc tháng 10 ở mức 1.264.48 điểm, giảm -1,82% so với tháng 9. Phiên giao dịch đầu tháng 11 tiếp tục có diễn biến kém tích cực khi kết phiên giảm 9,59 điểm (-0,76%). VN-INDEX qua đó kết thúc tuần giao dịch ở mức 1.254,89 điểm, tăng nhẹ so với tuần trước, duy trì trên vùng hỗ trợ mạnh, tâm lý 1.250 điểm. Độ rộng HOSE nghiêng về phục hồi, phân hóa mạnh trong thời điểm đón nhận báo cáo quý III, tích cực ở các nhóm ngành dịch vụ tiêu dùng, ngân hàng, nguyên vật liệu.. Trong khi kém tích cực ở nhóm viễn thông, tài chính, dầu khí. Thanh khoản giảm so với tuần giao dịch trước đó khi khối lượng khớp lệnh -19,88% tại HOSE. Khối ngoại tuần này bán ròng với -7.652,27 tỷ đồng.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2411 tăng +3,20 điểm (+0,24%), đóng cửa tại 1.330,40 điểm. Chênh lệch +4,78 điểm so với VN30, các kỳ hạn xa hơn là VN30F2412 VN30F2503 VN30F2506 chênh lệch từ +4,88 điểm đến +6,28 điểm so với VN30. Tổng khối lượng hợp đồng giao dịch -12,80% so với tuần trước, và vẫn thấp hơn mức trung bình 20 phiên. Xu hướng ngắn hạn của VN30F2411 dự kiến sẽ kiểm định lại vùng hỗ trợ 1.340 điểm trong tuần tới. Khối lượng mở OI tuần này là 51.763 thấp hơn so với tuần gần nhất là 58.103 cho thấy xu hướng giảm bớt các vị thế nắm giữ.

Xu hướng ngắn hạn VN-INDEX tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh về vùng giá quanh 1.245 điểm - 1.255 điểm, vùng giá cao nhất năm 2023, kháng cự gần nhất quanh 1.270 điểm. Xu hướng trung hạn VN-INDEX tăng trưởng trên vùng hỗ trợ quanh 1.250 điểm, hướng đến vùng giá 1.300 điểm. Trong đó vùng giá 1.300 điểm, vùng kháng cự rất mạnh tương vùng vùng giá cao nhất đầu từ đầu năm 2024 và đỉnh giá tháng 06-08/2022. Thị trường chỉ vượt qua các vùng kháng cự này khi có các yếu tố hỗ trợ vĩ mô tốt, kết quả kinh doanh tăng trưởng vượt trội. Đồng thời các yếu tố bất định như căng thẳng địa chính trị thế giới hạ nhiệt.

VNINDEX đã có 08-09 tháng biến động trong biên độ hẹp. Xu hướng tích lũy kéo dài đến nay chưa xác nhận cải thiện. Về điểm số, VNINDEX cần giữ được vùng hỗ trợ quan trọng, tâm lý mạnh 1250+-_đường giá trung bình 200 phiên, vượt lên kháng cự mạnh 1265-1270, mới có thể cải thiện. Trong bối cảnh hiện nay, khoảng trống thông tin sau báo cáo Q3, bầu cử Mỹ sắp diễn ra, thanh khoản thị trường kém. Nhà đầu tư nên duy trì tỉ trọng ở mức hợp lý. Tỉ trọng dưới mức trung bình có thể xem xét, chọn lọc giải ngân các mã cơ bản tốt, có quý III tăng trưởng tốt, kỳ vọng tiếp tục duy trì tăng trưởng trong cuối năm. Mục tiêu đầu tư hướng tới các mã cổ phiếu đầu ngành, nền tảng cơ bản tốt.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



WEEKLY WRAP

Tuần GD: 28/10/2024 -

1/11/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
VLB	39.43	36-37	42-44	34	8.7	44.0%	147.6%	Theo dõi giải ngân
SIP	73.70	68-70	76-78	66	13.0	16.0%	55.7%	Theo dõi giải ngân
LHG	35.65	32-34	39-40	30	8.9	34.4%	31.6%	Theo dõi giải ngân
DPR	38.45	38-39	44-45	36	13.1	21.8%	19.3%	Theo dõi giải ngân
CMG	50.60	50.5-52.5	57-58	48	30.3	22.3%	-9.6%	Theo dõi giải ngân
IDC	56.00	53-54.5	61-62	51	8.4	57.6%	217.5%	Theo dõi giải ngân
SCS	77.90	72-74	81-82	69	12.2	55.0%	45.6%	Theo dõi giải ngân
PHP	28.37	27.5-28.5	32-33	26	12.2	18.4%	162.2%	Theo dõi giải ngân
DTD	24.90	24.5-25.5	30-31	23	10.2	97.4%	171.9%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
17/6/2024	CLX	15.44	16.8	26-28	15.5	-8.1%	Nắm giữ
18/7/2024	DPM	33.90	33.2	40-41	35	2.1%	Nắm giữ
24/7/2024	POW	11.60	12.8	14.4-14.8	13	-9.4%	Nắm giữ
8/8/2024	BSR	21.03	21.9	27-28	22	-4.0%	Nắm giữ

TIN NỔI BẬT

PMI của Việt Nam vượt ngưỡng 50 điểm trong tháng

10

Dữ liệu PMI của S&P Global cho thấy, ngành sản xuất của Việt Nam trong tháng 10 đã bắt đầu hồi phục sau ảnh hưởng của cơn bão Yagi xảy ra hồi tháng 9. Theo đó, cả sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới đều ghi nhận tăng trở lại.

Theo đó, Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam trong tháng 10 đã quay trở lại trên ngưỡng 50 điểm, ở mức 51,2 điểm. Mặc dù mức độ cải thiện điểm PMI của Việt Nam trong tháng 10 tương đối nhẹ, song, báo cáo cho biết, các điều kiện kinh doanh tại Việt Nam đã cải thiện mạnh mẽ trong suốt 6 tháng vừa qua.

Trước tình hình đó, để có thể hoàn thành các đơn đặt hàng, các nhà sản xuất tiếp tục sử dụng hàng tồn kho thành phẩm. Kết quả, hàng tồn kho sau sản xuất đã giảm với tốc độ nhanh nhất trong vòng 3 tháng trở lại đây.

Hà Đô (HDG) báo lãi tăng trưởng 183% trong quý III/2024

Công ty cổ phần Tập đoàn Hà Đô cho biết, tại báo cáo tài chính hợp nhất, doanh thu quý III/2024 đạt hơn 588 tỷ đồng, tăng 25% so với cùng kỳ năm ngoái. Lợi nhuận sau thuế quý III/2024 đạt 181,9 tỷ đồng, tăng 183% so với cùng kỳ năm ngoái chỉ đạt 99,5 tỷ đồng. Luỹ kế 9 tháng đầu năm, tại báo cáo hợp nhất Tập đoàn Hà Đô ghi nhận doanh thu đạt 1.964 tỷ đồng, giảm nhẹ 2,7% so với cùng kỳ năm ngoái, nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 2,1% đạt hơn 544,8 tỷ đồng. Năm 2024, Công ty đặt mục tiêu kinh doanh với kế hoạch doanh thu đạt 2.896 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 972 tỷ đồng. Với kết quả 9 tháng đầu năm đạt được, Công ty đã hoàn thành 67,8% kế hoạch về doanh thu và 56% kế hoạch về lợi nhuận cả năm. Đóng góp chính cho kết quả này vẫn là mảng năng lượng (thủy điện, điện mặt trời, điện gió) với hơn 1.206 tỷ đồng, giảm nhẹ so với cùng kỳ. Trong khi đó, mảng kinh doanh bất động sản đem về gần 399 tỷ đồng (không biến động so với thời điểm cuối quý II), gấp 2,1 lần cùng kỳ. Trong quý III, Hà Đô chưa mở bán các sản phẩm còn lại của dự án Hado Charm Villas, do đó không ghi nhận doanh thu bất động sản. Năm nay tập đoàn này dự kiến doanh thu bất động sản đạt 1.000 tỷ đồng (gấp 3,5 lần năm 2023), chủ yếu nhờ ghi nhận doanh thu từ Charm Villas – giai đoạn 3.

Vinaconex (VCG) thực hiện hơn 80% kế hoạch lợi nhuận sau

9

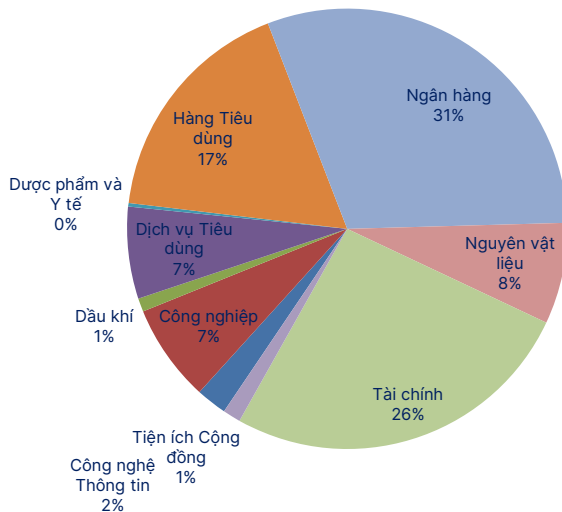
tháng

Kết quả SXKD của Vinaconex (HOSE: VCG) tiếp tục khởi sắc, Tổng công ty đã thực hiện trên 80% kế hoạch lợi nhuận của cả năm sau 9 tháng.

Theo BCTC mới được Vinaconex công bố, 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Công ty mẹ đạt 5,530 tỷ đồng, tăng gần 6% so cùng kỳ và lợi nhuận trước thuế hơn 616 tỷ đồng, tăng 273% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế đạt 552 tỷ đồng, tăng gấp 4.4 lần so với cùng kỳ.

Tính đến hết ngày 30/9, Công ty mẹ đạt vốn chủ sở hữu 6,788 tỷ đồng, tăng gần 9%, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đạt 552 tỷ đồng.

Các khoản nợ của Vinaconex có xu hướng giảm mạnh. Cụ thể, tính đến quý III, nợ phải trả còn 11,723 tỷ đồng, giảm 1,591 tỷ đồng so với đầu năm. Khoản mục nợ ngắn hạn giảm 1,436 tỷ đồng do khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm mạnh. Cùng với đó, nợ dài hạn cũng giảm từ 1,415 tỷ đồng xuống còn 1,259 tỷ đồng.

Giá trị giao dịch tuần theo Ngành

P/E và Thị Trường

Top Vốn hóa

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	523,139	19.4%	6,194	15.1	2.7
BID	272,196	17.8%	4,106	11.6	2.0
FPT	199,918	23.1%	5,127	26.5	5.6
CTG	191,709	16.2%	4,035	8.8	1.4
VHM	180,706	10.2%	4,700	8.8	0.8

Top KLGD lớn nhất

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VIB	421,744,042	18.6%	2,420	7.8	1.4
MSN	115,140,301	3.3%	926	82.7	2.7
VHM	109,646,701	10.2%	4,700	8.8	0.8
VIX	89,964,705	6.9%	814	13.4	1.0
VPB	88,889,665	9.4%	1,672	12.2	1.1

Top 5 cổ phiếu tăng giá

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CIG	↑ 27.2%	2.7%	137	55.9	1.5
PNC	↑ 23.8%	1.1%	195	92.6	1.0
SC5	↑ 20.0%	10.2%	2,475	9.2	0.9
PSH	↑ 19.2%	-37.1%	-4,557	-	0.4
PTL	↑ 14.6%	-7.1%	-354	-	0.6

Top 5 cổ phiếu giảm giá

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HRC	↓ -14.0%	3.5%	640	62.0	2.2
DSC	↓ -12.1%	7.6%	858	24.0	1.8
DTL	↓ -10.9%	-4.1%	-508	-	1.0
DPG	↓ -9.6%	8.8%	3,424	15.0	1.3
ABR	↓ -9.1%	5.2%	800	19.4	1.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	35,707,355	9.4%	1,672	12.2	1.1
TCB	13,592,800	16.4%	3,207	7.5	1.2
EIB	5,880,895	11.6%	1,447	13.8	1.5
CTG	3,301,962	16.2%	4,035	8.8	1.4
GMD	2,779,920	12.9%	4,311	15.1	2.0

Top KLGD NĐT nước ngoài bán ròng

Mã	KL bán	ROE	EPS	P/E	P/B
VIB	(300,006,300)	18.6%	2,420	7.8	1.4
MSN	(26,140,311)	3.3%	926	82.7	2.7
VHM	(12,633,877)	10.2%	4,700	8.8	0.8
HPG	(8,285,767)	11.4%	1,905	14.1	1.5
SSI	(6,232,320)	12.2%	1,616	16.5	2.2



LỊCH SỰ KIỆN TRONG TUẦN

Ngày thông báo	Ngày thực hiện	Ngày ĐKCC	Ngày GDKHQ	Mã CK	Loại sự kiện
25/9/2024	1/11/2024	9/10/2024	8/10/2024	TCM	Đại hội Cổ đông Bất thường
20/9/2024	1/11/2024	15/10/2024	14/10/2024	HND	Trả cổ tức bằng tiền mặt
1/10/2024	1/11/2024	1/11/2024	1/11/2024	VHC	Giao dịch nội bộ
30/9/2024	1/11/2024	1/11/2024	1/11/2024	CLW	Giao dịch nội bộ: Giao dịch người liên quan
2/10/2024	1/11/2024	1/11/2024	1/11/2024	TNG	Giao dịch nội bộ: Giao dịch người liên quan
2/10/2024	1/11/2024	1/11/2024	1/11/2024	VGS	Giao dịch nội bộ
7/10/2024	1/11/2024	1/11/2024	1/11/2024	SKH	Giao dịch nội bộ
28/10/2024	1/11/2024	1/11/2024	1/11/2024	DAG	Chuyển Sàn
25/10/2024	1/11/2024	1/11/2024	1/11/2024	SJF	Tạm dừng Niêm yết
1/11/2024	1/11/2024	1/11/2024	1/11/2024	TVT	Giao dịch nội bộ: Giao dịch tổ chức
3/12/2021	4/11/2024	1/11/2024	1/11/2024	SIP	Niêm yết thêm
27/9/2024	4/11/2024	14/10/2024	11/10/2024	VBB	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
20/9/2024	4/11/2024	1/11/2024	1/11/2024	DHT	Giao dịch nội bộ: Giao dịch tổ chức
1/10/2024	4/11/2024	10/10/2024	9/10/2024	SLS	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3/10/2024	4/11/2024	1/11/2024	1/11/2024	DBD	Giao dịch nội bộ: Giao dịch người liên quan
17/10/2024	4/11/2024	25/10/2024	24/10/2024	DNN	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18/10/2024	4/11/2024	28/10/2024	25/10/2024	VPH	Trả cổ tức bằng tiền mặt
30/10/2024	4/11/2024	1/11/2024	1/11/2024	SSI	Giao dịch nội bộ
30/10/2024	4/11/2024	1/11/2024	1/11/2024	SSI	Giao dịch nội bộ
30/10/2024	4/11/2024	1/11/2024	1/11/2024	SSI	Giao dịch nội bộ: Giao dịch người liên quan
30/10/2024	4/11/2024	1/11/2024	1/11/2024	SSI	Giao dịch nội bộ: Giao dịch tổ chức
23/10/2024	4/11/2024	1/11/2024	1/11/2024	SSI	Giao dịch nội bộ
22/10/2024	4/11/2024	1/11/2024	1/11/2024	SSI	Giao dịch nội bộ: Giao dịch người liên quan
22/10/2024	4/11/2024	1/11/2024	1/11/2024	SSI	Giao dịch nội bộ



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Trưởng nhóm: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Vũ Tuấn Duy
duy.vt@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn Metropolitan, 235
Đồng Khởi, Bến Nghé, Quận 1, TP HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Vĩnh Trung,
Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
